

Đơn vị: TRƯỜNG MN AN SINH A
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 04 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGD&ĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều " về việc giao dự toán ngân sách năm 2022"

Trường Mầm non An Sinh A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý I năm 2022	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	94.000.000		0	
1	Học phí	94.000.000		0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.228.000.000	657.105.300	20	91
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.078.000.000	657.105.300	21	91
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2.520.000.000</u>	<u>620.764.700</u>	25	97
	Mục 6000: Tiền lương	1.426.000.000	350.692.100	25	107
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				
	Mục 6100: Phụ cấp lương	717.000.000	181.133.600	25	81
	Mục 6200: Tiền thưởng	15.000.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	12.000.000		0	

	Mục 6300: Các khoản đóng góp	350.000.000	88.939.000	25	98
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-			
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>528.000.000</u>	<u>25.476.600</u>	<u>5</u>	<u>46</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	725.000	2	31
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	81.000.000		0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	5.000.000	66.000	1	100
	Mục 6650: Hội nghị	12.000.000		0	
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	2.100.000	11	89
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	65.000.000	15.555.600	24	100
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	160.000.000		0	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	30.000.000		0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	113.000.000	7.030.000	6	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	12.000.000		0	
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>30.000.000</u>	<u>10.864.000</u>	<u>36</u>	<u>43</u>
	Mục 7750: Chi khác	30.000.000	10.864.000	36	43
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	150.000.000			
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	150.000.000			

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Huyền

722.328.300
722.328.300
<u>641.557.900</u>
326.707.800
224.288.100

90.562.000
<u>55.406.400</u>
2.374.800
66.000
2.370.000
15.555.600
24.222.000
5.218.000
5.600.000
<u>25.364.000</u>
25.364.000